

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

Số. 09 /2009/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 20 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hoạt động sáng kiến của cá nhân, tổ chức
sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 31-CP ngày 23/01/1981 của Chính phủ ban hành Điều lệ về cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất và sáng chế;

Căn cứ Nghị định số 84-HDBT ngày 20/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế; Điều lệ về nhãn hiệu hàng hóa; Điều lệ kiểu dáng công nghiệp; Điều lệ về giải pháp hữu ích nhằm thi hành pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai (tại Tờ trình số 226/TTr-SKHCN ngày 20 tháng 4 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về hoạt động sáng kiến của tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ; Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh; các đơn vị sản xuất kinh doanh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có tính mới trong phạm vi c? quan, tổ chức;
- b) Khi được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại lợi ích thiết thực.

2. Sáng kiến được coi là mới đối với một cơ quan, tổ chức nếu trong phạm vi cơ quan, tổ chức tính đến trước ngày nộp đơn đăng ký sáng kiến hoặc ngày áp dụng sáng kiến (tính theo ngày nào sớm hơn), sáng kiến đó đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Chưa được bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hay bất kỳ hình thức nào khác đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;
- b) Chưa được áp dụng, đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;
- c) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện;
- d) Không trùng với nội dung của giải pháp đã đăng ký sáng kiến trước.

3. Sáng kiến được coi là mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng sáng kiến đó mang lại hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội, đời sống tinh thần (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe, văn hoá, nghệ thuật, thể thao...), hoặc đem lại hiệu quả công tác quản lý của đơn vị, thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ đề ra, góp phần bình ổn và tăng trưởng xã hội.

4. Sáng kiến đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được gọi là sáng kiến cấp cơ sở. Sáng kiến được gọi là sáng kiến cấp địa phương hoặc cấp ngành nếu sáng kiến có tính mới trong phạm vi địa phương hoặc ngành và đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5. Những giải pháp do cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ quản lý đề ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, nếu có giá trị kinh tế, kỹ thuật lớn và có khả năng áp dụng rộng rãi cũng được công nhận là sáng kiến.

Điều 4. Nội dung của sáng kiến.

1. Nội dung của sáng kiến là tạo ra hoặc cải tiến giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

2. Giải pháp kỹ thuật, bao gồm:

- a) Cơ cấu (máy móc, thiết bị, công cụ lao động, sản phẩm, kết cấu công trình...);
- b) Chất (vật liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, chủng vi sinh, chế phẩm sinh học...);
- c) Giống cây trồng, giống vật nuôi;

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 78/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2006 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nơi nhận.

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ KH& CN;
- Cục kiểm tra VBQPL- Bộ Tư pháp;
- TT.TU,HĐND,UBND,ĐoànĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Vạn

QUY ĐỊNH

Hoạt động sáng kiến của các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09 /2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5
năm 2009 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh :

a) Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận sáng kiến, áp dụng, thông tin sáng kiến trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các quy định về hoạt động sáng kiến không được quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành .

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài có sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế cho sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Tác giả sáng kiến, chủ sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến là người tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến chung.

Người chỉ đầu tư, hỗ trợ về kỹ thuật, vật chất trong quá trình tạo ra sáng kiến không được coi là tác giả sáng kiến.

2. Chủ sáng kiến có thể là::

- a) Tác giả sáng kiến
- b) Tổ chức, cá nhân giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất để tạo ra sáng kiến nếu không thoả thuận khác với tác giả
- c) Người được chuyển giao sáng kiến theo quy định của pháp luật
- d) Đối với sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh, người có đóng góp từ 40% trở lên trong việc tạo ra sáng kiến mới được công nhận là tác giả sáng kiến.

Điều 3. Sáng kiến, các điều kiện công nhận sáng kiến

+ Lãnh đạo phòng Kinh tế hoặc phòng Công thương là Ủy viên thường trực.

d) Thư ký Hội đồng:

+ 01 Chuyên viên Văn phòng UBND;

+ 01 Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc phòng Công thương.

đ) Thường trực Hội đồng:

Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc phòng Công thương.

e) Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp huyện, thành phố có thể quyết định mời một số chuyên gia giỏi về lĩnh vực có sáng kiến được xét công nhận tham gia làm thành viên Hội đồng.

1.2. Thành phần Hội đồng sáng kiến của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc đơn vị.

b) Phó chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc đơn vị.

c) Các Ủy viên gồm có:

+ Đại diện Phòng kỹ thuật, Phòng kinh doanh, đơn vị trực thuộc.

+ Đại diện Ban chấp hành Công đoàn.

+ Đại diện BCH Chi đoàn TNCS HCM.

+ Lãnh đạo Văn phòng hoặc Phòng Hành chính tổng hợp là Ủy viên thường trực.

d) Thư ký Hội đồng:

+ 01 Chuyên viên Văn phòng hoặc Phòng Hành chính tổng hợp

đ) Thường trực Hội đồng:

Chuyên viên theo dõi thi đua khen thưởng của đơn vị.

e) Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cơ sở sản xuất kinh doanh có thể quyết định mời các thành phần phù hợp với điều kiện thực tế ở đơn vị và mời một số chuyên gia giỏi về lĩnh vực có sáng kiến được xét công nhận tham gia làm thành viên Hội đồng.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm:

a. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do một Phó chủ tịch UBND tỉnh làm chủ tịch Hội đồng.

b. Các phó Chủ tịch Hội đồng là: Lãnh đạo Sở Nội vụ, Lãnh đạo sở Khoa học và Công nghệ

c. Các Ủy viên Hội đồng gồm:

01 Lãnh đạo Ban tuyên Giáo Tỉnh ủy

01 Lãnh đạo Ban Dân vận và Dân tộc Tỉnh ủy

01 Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy

d) Quy trình (quy trình công nghệ; phương pháp khảo sát, thiết kế, thi công; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...);

3. Giải pháp quản lý là phương pháp tổ chức (bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu...), điều hành, kiểm tra, giám sát công việc kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ),

4. Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong công việc kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong công tác tuyên truyền, vận động, trong đó có: Xây dựng phương án, dự án, các đề xuất cải tiến bổ sung hàn chỉnh qui trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn, trong sản xuất kinh doanh.

5. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là kỹ thuật, công nghệ mới, bí quyết áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

6. Giải pháp về hình thức tổ chức các phong trào thi đua triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của ngành trong các tổ chức sản xuất và kinh doanh.

Chương II THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 5. Thẩm quyền công nhận sáng kiến.

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc doanh nghiệp nơi nhận đơn đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh, công nhận những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 6. Hội đồng sáng kiến

Chủ tịch UBND huyện, thành phố; giám đốc doanh nghiệp ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để xét duyệt, công nhận sáng kiến có khả năng áp dụng và mang lại hiệu quả kinh tế, thuộc phạm vi quản lý của mình.

1. Thành phần Hội đồng sáng kiến cơ sở gồm 5- 7 thành viên được cơ cấu tổ chức gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, các ủy viên và thư ký Hội đồng.

1.2. Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp huyện, thành phố.

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

b) Phó chủ tịch Hội đồng là Phó chủ tịch UBND huyện, thành phố.

c) Các Uỷ viên gồm có:

+ Lãnh đạo Văn phòng UBND huyện, thành phố;

+ Đại diện Liên đoàn Lao động huyện, thành phố;

+ Đại diện BCH huyện Đoàn, Thành đoàn;

2. Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết theo đa số. Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 51% số phiếu hợp lệ trỏ lên.

Điều 9. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

1.Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của UBND huyện, thành phố trong dự toán khoản chi hàng năm của đơn vị.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán chi hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (văn phòng phẩm, xăng xe, thù lao và các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ cho công tác thẩm định, họp xét công nhận sáng kiến) trong dự toán của ngành minh trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cơ sở của các đơn vị sản xuất kinh doanh được trích một phần lợi nhuận từ các sáng kiến đem lại.

Điều 10. Chế độ thù lao:

1. Các thành viên, thư ký Hội đồng sáng kiến, chi cho công tác phản biện, đánh giá, nhận xét sáng kiến được hưởng thù lao bằng tiền theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 9 tháng 5 năm 2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nội dung, mức chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

2. Đối với các nhà khoa học, chuyên gia, chuyên viên chính ở ngoài tỉnh được mời tư vấn, phản biện, tham gia thành viên Hội đồng cấp tỉnh thì được hưởng thù lao theo hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến.

1. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến theo mẫu quy định gồm:

a) Đơn đăng ký sáng kiến;

b) Giấy ủy quyền của tác giả trong trường hợp tác giả sáng kiến ủy quyền cho người khác đứng tên đăng ký sáng kiến;

c) Tài liệu mô tả sáng kiến, các tài liệu, giấy tờ liên quan về sản phẩm và lợi ích thiết thực của sáng kiến; hoặc các giấy tờ khác nếu có (bản gốc hoặc bản sao phô tô công chứng).

2. Đơn đăng ký sáng kiến phải bao gồm các nội dung sau:

a) Họ, tên và địa chỉ của người nộp đơn đăng ký sáng kiến;

b) Họ, tên và địa chỉ của tác giả hoặc các đồng tác giả sáng kiến;

c) Tên sáng kiến và lĩnh vực áp dụng;

d) Mô tả bản chất của sáng kiến;

e) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến;

g) Lợi ích thu được do áp dụng sáng kiến (nếu giải pháp đã được áp dụng

- 01 Lãnh đạo Sở Nội vụ
 - 01 Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ
 - 01 Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh
 - 01 Lãnh đạo Sở Tài chính
 - 01 Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận tổ Quốc Việt Nam tỉnh.
 - 01 Lãnh đạo Liên Đoàn Lao động tỉnh
 - 01 Lãnh đạo Tỉnh đoàn thanh niên.
- d. Thư ký: Phó Trưởng Ban thi đua, khen thưởng tỉnh, Trưởng phòng quản lý Công nghệ- Sở Khoa học&Công nghệ
- e. Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.
- 2.2. Ngoài ra Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh quyết định mời một số thành viên không ổn định có thể là nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia, chuyên viên, công nhân kỹ thuật bậc cao (thợ giỏi) chuyên ngành từng lĩnh vực tham gia Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.
- Điều 7. Nhiệm vụ của Hội đồng Sáng kiến .**
- 1. Giúp UBND tỉnh, UBND huyện, Thành phố, Giám đốc các Doanh nghiệp tập hợp và thẩm định hồ sơ sáng kiến của các cá nhân, đơn vị trong lĩnh vực quản lý của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
 - 2. Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoặc cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra hồ sơ đăng ký sáng kiến. Vào sổ đăng ký các hồ sơ hợp lệ, cấp giấy biên nhận (theo mẫu quy định) cho người nộp hồ sơ. Hoặc làm các thủ tục cho rút đơn đăng ký sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.
 - 3. Mời chuyên gia tham gia vào Hội đồng thẩm định các giải pháp kỹ thuật và tổ chức thẩm định các giải pháp, các sáng kiến đã đăng ký (nếu thấy cần thiết)
 - 4. Tổ chức xét duyệt và trình cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận sáng kiến
 - 5. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

Điều 8. Chế độ làm việc.

- 1. Hội đồng họp định kỳ 1 năm/lần, hoặc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập. Các Thành viên Hội đồng không được vắng mặt trong các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt mà vắng mặt thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt (các trường hợp vắng mặt phải có ý kiến, phiếu đánh giá sáng kiến bằng văn bản) mới được coi là hợp lệ.

Bước 1: Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoặc cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đăng ký sáng kiến của cá nhân và tập thể.

Bước 2: Sao gửi hồ sơ sáng kiến kèm theo công văn trung cầu ý kiến bằng văn bản gửi các thành viên Hội đồng và các chuyên gia phản biện (nếu có).

Bước 3: Thường trực Hội đồng sáng kiến tổng hợp các ý kiến trung cầu, sàng lọc và sao gửi cho các thành viên Hội đồng sáng kiến.

Bước 4: Họp xét.

a) Thường trực Hội đồng trình bày sáng kiến hoặc tác giả sáng kiến trình bày và mô tả sáng kiến của mình;

b) Các thành viên Hội đồng tham gia ý kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng tóm tắt kết luận;

d) Hội đồng bỏ phiếu đánh giá.

Sau khi Hội đồng sáng kiến bỏ phiếu đánh giá, với những trường hợp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến thì Hội đồng sáng kiến trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp phải hoàn tất Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

Những trường hợp không đủ điều kiện công nhận thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do không được công nhận.

Điều 15: Công nhận sáng kiến:

1. Sáng kiến được Giám đốc các doanh nghiệp hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, huyện, thành phố quyết định công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận trên cơ sở đề nghị của Hội đồng sáng kiến cùng cấp, đồng thời vào sổ tổng hợp, quản lý theo dõi sáng kiến và thông báo trong cơ quan, đơn vị.

2. Những giải pháp đã được Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận phải được gửi về Hội đồng Sáng kiến của tỉnh (gửi sở Khoa học và Công nghệ) chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ra quyết định công nhận để theo dõi, quản lý.

3. Giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu quy định) được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp cho từng người, trong đó ghi rõ họ, tên các đồng tác giả.

4. Trường hợp sáng kiến đăng ký không được Hội đồng sáng kiến công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp sáng kiến là giải pháp có khả năng được bảo hộ như một sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thì ngoài Giấy chứng nhận sáng kiến do Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan đơn vị cấp cho tác giả, Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm phối hợp với tác giả sáng kiến, thủ trưởng đơn vị có sáng kiến tiến hành các biện pháp cần thiết để xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của Nhà nước.

hoặc áp dụng thử); hoặc lợi ích dự kiến thu được khi áp dụng sáng kiến (nếu giải pháp chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử).

h) Ký, ghi rõ họ và tên.

3. Trường hợp sáng kiến có nội dung đơn giản hoặc tác giả sáng kiến không đủ năng lực mô tả bản chất của sáng kiến, tác giả sáng kiến có thể trình bày bằng miệng với tổ chức đăng ký sáng kiến để được hướng dẫn làm đơn đăng ký sáng kiến. Tổ chức đăng ký sáng kiến có nghĩa vụ giúp đỡ người đăng ký sáng kiến hoàn thành đơn đăng ký sáng kiến.

4. Trường hợp những giải pháp có cùng một nội dung do nhiều người nộp đơn đăng ký sáng kiến độc lập với nhau, thì người nào nộp đơn trước tiên (tính theo thời điểm nhận đơn hoặc tính theo dấu bưu điện) sẽ được công nhận là tác giả sáng kiến.

5. Hồ sơ đăng ký công nhận sáng kiến cấp cơ sở lập thành 01 bộ gửi về thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở thuộc các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

6. Hồ sơ đăng ký công nhận sáng kiến cấp tỉnh lập thành 10 bộ gửi về thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh(phòng Quản lý Công nghệ Sở Khoa học và Công nghệ).

Điều 12. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến.

1. Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định thì thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do. Riêng đơn đăng ký sáng kiến phải ghi vào “Sổ đăng ký sáng kiến” của đơn vị và thông báo cho người nộp đơn.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị công nhận sáng kiến, đơn vị nhận hồ sơ phải trình Hội đồng công nhận sáng kiến có thẩm quyền để xét công nhận theo quy định.

3. Đối với những giải pháp cần tiến hành thực nghiệm hoặc áp dụng thử trước khi quyết định công nhận hoặc không công nhận là sáng kiến thì thời hạn trên được phép kéo dài theo yêu cầu thử nghiệm và phải thông báo cho tác giả bằng văn bản.

Điều 13. Điều kiện về thủ tục để Hội đồng sáng kiến xét công nhận:

Hội đồng sáng kiến chỉ xét công nhận sáng kiến cho các cá nhân, tập thể có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có hồ sơ hợp lệ theo quy định;

2. Có đầy đủ tên, địa chỉ, chức vụ, trình độ chuyên môn của tác giả, đồng tác giả và những cá nhân, tập thể tham gia hỗ trợ và tổ chức thực hiện sáng kiến;

Điều 14. Trình tự xét công nhận sáng kiến:

Chương III ÁP DỤNG VÀ THÔNG TIN SÁNG KIẾN

Điều 16. Áp dụng sáng kiến.

1. Cơ quan, đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm tổ chức áp dụng kịp thời và có hiệu quả các sáng kiến theo đúng mức độ yêu cầu của sản xuất, công tác.
2. Khi áp dụng sáng kiến vào sản xuất, kinh doanh phải có quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, ghi rõ ngày bắt đầu áp dụng, các bộ phận và cá nhân có trách nhiệm áp dụng và các chỉ tiêu, định mức kinh tế – kỹ thuật mới.
3. Nếu việc áp dụng sáng kiến làm thay đổi chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật đang có hiệu lực thì cơ quan đơn vị, xí nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu điều chỉnh cho hợp lý. Riêng trong trường hợp những sáng kiến làm tăng năng suất lao động thì những người áp dụng theo điểm 2 của điều này được hưởng tiền lương, tiền thưởng tính theo định mức lao động chỉ trong thời hạn nhiều nhất là 6 tháng kể từ ngày áp dụng.

4. Trong trường hợp cơ quan, đơn vị áp dụng sáng kiến thấy cần thiết phải điều chỉnh, cải tiến nội dung của sáng kiến thì phải thông báo với tác giả và báo cáo với Hội đồng Sáng kiến (đối với những sáng kiến do Hội đồng Sáng kiến tỉnh công nhận).

Điều 17. Thông tin sáng kiến.

1. Mọi thông tin chi tiết về sáng kiến chỉ được công bố và áp dụng rộng rãi khi được tác giả, thủ trưởng đơn vị có sáng kiến hoặc chủ tịch UBND tỉnh đồng ý cho phép.
2. Đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng trong tỉnh Lào Cai thì tác giả sáng kiến và Thủ trưởng đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm cung cấp nội dung và lợi ích của sáng kiến đồng thời tạo điều kiện cho các đơn vị khác trong tỉnh có thể áp dụng sáng kiến đó trên cơ sở thỏa thuận chuyển giao và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về chuyển giao khoa học và công nghệ.

Chương IV KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Đối tượng khen thưởng:

1. Sáng kiến được công nhận thì tác giả sáng kiến, chủ sáng kiến và các tổ chức, cá nhân liên quan được khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành;
2. Sáng kiến được công nhận theo quy định này là cơ sở để xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể trong các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hình thức khen thưởng:

Căn cứ vào các qui định của pháp luật về công tác thi đua khen thưởng, Hội đồng khen thưởng của các cơ quan, đơn vị và các cấp có thẩm quyền của

Nhà nước quyết định tặng thưởng cho các đối tượng được khen thưởng theo quy định hiện hành với hình thức phù hợp.

Điều 20. Các cá nhân, tổ chức, có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và quy định này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Giao cho sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện quy định này và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hoạt động sáng kiến theo quy định, định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

Điều 22. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các ý kiến phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để kịp thời giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

